

THERAVĀDA

ĐẠO PHẬT THÍCH - CA



ATTHAKATHĀJĀTAKA

CHÚ GIẢI BỐN SANH KINH



VĀNSARAKKHITA BHIKKHU

HỘ - TÔNG TY - KHUU

2501

1957

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi xin Xuất Bản quyển Kinh này để làm phước thí trong dịp lễ kỷ-niệm của Ông, Bà, Cha, Mẹ chúng tôi đã quá vãng.

Chúng tôi nguyện hồi hướng quả phúc này đến tất cả chúng sanh nhứt là Chư-Thiên trong Sa-Bà thế-giới, sau khi các Ngài đã hoan hỉ, xin mách bảo Ông, Bà, Cha Mẹ chúng tôi đến thọ hưởng phần phước này và được thụ sinh trong nhà cảnh.

Quý danh chủ thí chủ :

Bà HUỲNH-KHÔI

Ô. Bà François

Bà Trần - thị - Dài : Bà Võ - Thị - Nhung

Ô. Trần-Văn-Hung : Bà Võ - Thị - Long

Cô Trần - Thị - Sáu : Cô Võ - Thị - Quế

Cô Trần - Thị - Bảy : Cô Võ - Thị - Hạnh - Nhân

Ô. Bành - Văn - Năm

Bành - Văn - Sấm

Lê - minh - Quang

Lê - minh - Quý

Lê - văn - Sanh

Lê - văn - Chia

MU'ỒI PHÁP KHÔNG YÊN TÂM

ĐÁNG SỢ

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA (3 lần)

Dasa khalumāni thānāni
Yāni pubbe akaritvā
Sa pacchā anutappati
Iccāha rājā janasandho

janasandhajātaka

Thời quá-khứ, thuở đức hoàng-đế BRAHMA-DATTA thống trị Thủ-Đô BĀRĀNASĪ, có Đức Bồ-tát giảng-sinh làm vị Hoàng-tử, danh hiệu là JANASANDHARĀJAKUMĀRA. Đến khi trưởng thành đi học nghề nghiệp ở thành TAKKASILĀ

khi thành tài rồi, Ngài trở về được Đức Hoàng-phụ tôn lên làm Phó-Vương. Sau khi Vua cha thăng-hà, Đức Bồ-tát lên ngôi Cửu-ngủ. Có tâm bố-thí, Ngài cho người tạo 6 Phước-Xá : 4 trước 4 cửa Thành, 1 giữa Thủ-Đô cùng 1 trước Hoàng-Môn. Mỗi ngày làm phước-thí đến 60 ngàn bạc. Nhờ vậy, dân gian hằng được an-cư, lạc nghiệp. Cửa khám-đường cũng không đóng chặt. Dân-chúng đồng trì-giới và thỉnh-pháp, mong hưởng điều hạnh-phúc lâu dài.

Một hôm, vào ngày rằm, Đức Bồ-tát, thọ Bát quan-trai-giới (UPOSATHASĪLA) Ngài có ý-định huyết-pháp, bèn cho bố-cáo tụ-hội quần-chúng-tại Hoàng-Điện, Ngài phán rằng :

Này, hỡi các nhân dân ! Trẫm sẽ thuyết một ít pháp đáng sợ, một ít pháp không đáng lo, các người hãy chú-tâm và thành kính nghe.

Đức Thế-Tôn thuyết-pháp này đến Đức Vua KOSALA theo Đức Hoàng-Đế JANASANDHA đã giảng giải như kệ-ngôn sau đây :

Dasa khalumānī t̄hanani
Yāni pubbe akaritvā
Na pacchā anutappati
Iccaha rājā janāsandho

Có 10 nguyên-nhân khiến tâm lo sợ. Người nào, không tránh trước, kể đó, sẽ có sự lo sợ về sau :

NGUYÊN NHÂN THỨ I.

Aladdhā cittaṇ tapati
Pubbe asamudānitaṇ
Na pubbe dhammesissaṇ
Iti pacchānutappati.

Nghĩa : Con người lúc trẻ, không chuyên cần làm việc cho sanh tài sản, đến khi già yếu nghèo-cực, sẽ buồn rầu vì thấy kẻ khác được sống an-nhàn, phần mình lại nuôi mạng khó khăn và nghĩ rằng : Bởi ngày trước ta không cố-gắng tìm của để

dành, nên chỉ đến lúc già phải chịu điều khổ nảo như vậy.

Vì thế, nếu các người muốn sống không vất-vả lúc tuổi già, thì buổi thừa sinh-lực phải làm các công-nghệ, như là nghề nông, ngõ hầu tích của để dành nuôi mạng khi già yếu.

Sự không cố-gắn làm việc lúc tuổi trẻ để cho của cải phát sanh là nguyên nhân sanh điều phiến nảo về sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 2.

Sakya[̄]rūpaṇ pure santaṇ

Mayā[̄] sippaṇ na sikkhitaṇ

Kicchā[̄] vutti asippassa

Iti[̄] pacchānutappaṭi.

Nghĩa : Một nghề nghiệp nào thích-hợp mà mình không học-tập để phòng thân, thuở còn tráng kiện ; sau mình phải ưu sầu rằng : Bởi không tập luyện nghề nghiệp, nên chỉ ta mới nuôi mạng khó khăn như vậy. Vì thế, nếu các người muốn

được điều yên vui lúc tuổi già, thì khi còn trẻ, tráng hãy siêng-năng học nghề để dành, nếu không phải chịu sự phiền-não về sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 3.

Kūṭavedi pure āsiṇ

Pisuno piṭṭhimansiko

Cando ca pharuso cāsiṇ

Iti pacchanutappati.

Nghĩa : Người nào trước kia đã lừa đảo, vu cáo, gièm-siểm, chưởi-mắng, đâm-thọc, đến khi hấp-hối sẽ nhớ đến sự xấu xa đã làm và phát tâm hối-hận. Vì thế, nếu không muốn sa địa-ngục, các người chảng nên làm những tội ác. Người gian-xảo, quỷ-quyệt như thế, sẽ có sự lo sợ về sau, không sai.

NGUYÊN NHÂN THỨ 4.

Pānatipati pure āsiṇ

Luddho cāpi anāri yo

Bhūtaṇaṇ navajānissaṇ

Iti pacchanutappati

Nghĩa : Kẻ nào, lúc trước là người tham lam độc ác, sát hại sanh vật, hành động hèn hạ, không nhân nại, từ-bi đối với chúng sanh ; đến sau nằm trên giường trong giờ hấp-hối, tưởng đến điều tội lỗi đã làm, sẽ có sự lo sợ trong địa-ngục. Sự làm hại sanh vật ấy cũng là điều lo sợ về sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 5.

Bahusu vata santisu

Anapadasu itthisu

Paradaraṇ aseviṣṣaṇ

Iti pacchanutappati.

Nghĩa : Người nào lúc trước luyến ái vợ kẻ khác, đến sau, nhớ tưởng đến nghiệp dữ đã làm rằng : Có nhiều phụ-nữ không nguy-hiểm, không có người gìn-giữ (có thể thương yêu được) mà ta lại tà-dâm vợ người, như vậy thật là không nên. Khi đã nghĩ đến nghiệp tà dâm đã làm rồi, cũng là điều lo sợ về sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 6.

Bahumhi vata santamhi

Annapanē upatthite

Na pubbe adadiṇ dānaṇ

Iti pacchanutappati

Nghĩa : Những hạng người khi còn thanh-niên có tâm bĩn-xĩn, đến khi sau bị sự lão, bệnh trong giờ hấp hối, suy xét rằng : Thuở trước, có nhiều vật ăn thức uống, ta không đem ra bố-thí. Tưởng nghĩ đến sự hẹp hòi của mình như thế, cũng là điều lo sợ về sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 7.

Mātarāṇ pitāraṇ cāpi

Jinnake gatayobbane

Pahusanto na posissaṇ

Iti pacchanutappati.

Nghĩa : Người nào không được phụng dưỡng mẹ già cha yếu, đến sau sẽ lo sợ rằng : Ta có đầy đủ của cải, cơm, nước mà không cung-cấp song

thân. Nghĩ như thế rồi, cũng là điều lo sợ trong ngày sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 8.

Ācariyamānusatthāraṇ

Sabbakāmarasārahaṇ

Pitaraṇ atimānṇissaṇ

Iti pacchānutappati.

Nghĩa : Kẻ nào không chịu lời dạy bảo của cha là bậc thầy, đã khuyến dụ trước, đã dưỡng nuôi mình lúc còn niên-thiếu và chỉ giáo mình cho trở nên tốt đẹp, mà mình không vâng chịu, rồi khih rẻ. Sự hành vi xấu xa như thế, cũng là điều lo sợ về sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 9.

Samane brāhmaṇe cāpi

Śilavante bahussute

Na pubbe payirupāyissaṇ

Iti pacchānutappati

Nghĩa : Người nào trong khi trước, không đi tìm các bậc Samôn và Bàlamôn có giới, là những

hạng bác học, thấy các ngài có sự thiếu thốn mà không cúng-dường, nhưt là tứ vật-dụng, đến khi sau gặp điều khổ-cực, sẽ phải phiền-nảo rằng : Vì không được thân-cận các bậc Sa môn và Bà la môn để cúng-dường nên ta mới có sự khổ-não, không nơi nương nhờ như vậy, có đó cũng là điều lo sợ về sau.

NGUYÊN NHÂN THỨ 10.

Sādhu hoti tapo cinno

Santo ca payirupāsito

Acinno me tapo pubbe

Iti pacchānutappati.

Nghĩa : Kể nào trong khi trước không thực hành pháp thiêu-hủy tức là 3 hạnh kiểm chân chánh (1) không được vào gần bậc Tịnh-giã, đến khi sau, bị sự già, sự bệnh phá hại, bèn suy-nghĩ rằng : Ta không tích trữ các hạnh kiểm chân chánh qui cao, cũng không thân-cận các hạng

(1) 3 hạnh kiểm chân chánh là : thân, khẩu, ý trong sạch không sát sanh, trộm cắp, tà-dâm : không nói dối, đàm thọc, chưởi mắng ; không tham, sân si.

thiện-tri-thức để thực tiễn các pháp chân chánh, khi từ thân đến, nên ta có sự lo sợ như vậy :

Tổng cộng là 10 pháp đáng lo, đáng sợ.

Yo ca eṭani thānāni

Yoniso patipajjati

Karaṇ purisakiccāni

Na ca pacchānutappati.

Nghĩa : Những người nào trước đã được thực hành để tránh 10 nguyên nhân ấy, hạng người đó, được gọi là bậc đã làm trách nhiệm của người nam-nhi, sẽ được ở yên vì sự không cầu-thả, khỏi lo sợ về sau và sẽ hằng được hoan hỉ.

DÚT

TÍCH NGƯỜI KHÔNG LÀM TỘI NỬA

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA (3 lần)**

Mitto mitassa paṇiyan
Adinnaṇ paribhujisaṇ
Tena pacchā vijigucchin
Tan pāpaṇ pakataṇ maya

Trong thời quá khứ, có Hoàng-đế BRAHMA-DATTA ở thủ-đô Bāranasi. Thuở đó có 5 đức Độc-Giác (Pacceka-buddha) trải đi khắp thực trong kinh thành đó. đến hoàng-môn, Đức vua xem thấy, bèn phát tâm trong sạch, sốt sắng, lúc bấy giờ, khiến người đến thỉnh vào thọ thực trong Hoàng-Điện. Trong giờ khoản đãi, Hoàng-đế ngự một bên, phán hỏi rằng :

« Bạch quý Ngài, sự xuất gia trong lúc ấu n'ên như quý Ngài thật là biếm cớ. Không rõ quý Ngài thấy tội của nhục dục thế nào, hoặc có điều gì làm cho quý Ngài phải xuất gia.

Đức Độc-Giác thứ nhứt lâu :

Mitto mittassa pāniyaṇ

Adinnaṇ paribhūṇjisaṇ

Tena pacchā vijīgucchiṇ

Taṇ pāpaṇ pakataṇ maya

Mā puna akaraṇ pāpaṇ

Tasma pabbajito ahaṇ

Nghĩa : Đã uống nước của bạn, mà người chưa cho; vì thế ĀTMĀBHĀBA ghê tởm cái tội đã làm rằng : ta chẳng nên phạm tội đó nữa đâu. Có ấy ĀTMĀBHĀBA mới xi ắt gia.

Đức Độc-giác thứ hai lâu :

Paradāraṇca disvaṇā

Chando me upapajjatha

Tena pacchā vijigucchiṇ
Taṇ pāpaṇ pakataṇ maya
Mā puna akaraṇ pāpaṇ
Tasma pabbajito ahaṇ

Nghĩa : Sự thỏa chí phát sanh đến ĀTMĀBHĀBA vì được thấy vợ người, sau rồi ĀTMĀBHĀBA góm điều tội lỗi đã làm đó, nghĩ rằng: ta chẳng nên làm tội ấy nữa đâu. Vì thế ĀTMĀBHĀBA mới xuất gia.

Đức Độc-giác thứ ba tâu :

Pitaraṇ me mahārāja
Corā aganhu kākane
Tesahaṇ pucchito jānaṇ
Annathā naṇ viyākariṇ
Tena pacchā vijigucchiṇ
Taṇ pāpaṇ pakataṇ māya
Mā puna akaraṇ pāpaṇ
Tasma pabbajito ahaṇ

Nghĩa : Tàu Đại Vương ! Kẻ cướp bắt cha **ATMĀBHĀBA** giam trong rùmg, **ĀTMĀBHĀBA** bị người thẩm vấn, biết chắc nhưng nói lời khác, vì vậy, sau rồi **ĀTMĀBHĀBA** ghê cái tội đã làm đó, nên nghĩ rằng ta đừng làm thêm tội nữa, do đó **ĀTMĀBHĀBA** mới xuất gia.

Đức Độc-giác thứ tư tàu rằng :

Panātipatāmakaraṇ

Satomayāge upatthite

Tesaṇ samanunnasiṇ

Tena pacchā vijigucchiṇ

Taṇ pāpaṇ pakataṇ maya

Mā puna akaraṇ pāpaṇ

Tasmā pabbajito ahaṇ

Nghĩa : Khi hy-sinh (súc vật dùng để cúng tế) bắt đầu làm, loài người đã sát sanh, **ĀTMĀBHĀBA** chẵnu hành đến họ, vì vậy về sau **ĀTMĀBHĀBA** không thích cái tội đã làm đó, nghĩ rằng : ta đừng gìy tội nữa, vì thế **ĀTMĀBHĀBA** mới xuất gia.

Đức Độc-giác thứ 5 tâu rằng :

Surāmerayamadhukā
Ye jana pathamasu no
Bahunna te anattaya
Majjappanamakampayū
Tesaha samanunnasi
Tena paccha vijigucchi
Tan papaṇ pakataṇ mayā
Mā pana akaraṇ papaṇ
Tasma pubbajito ahaṇ.

Nghĩa : Những người trong nhà **ĀTMĀBHĀBA**, từ trước họ thấy rằng các chác say, toàn là nước thơm tho khoái lạc, nên uống đến say túy lúy rồi phải bị hại. **ĀTMĀBHĀBA** đã nhận cho họ, về sau **ĀTMĀBHĀBA** góm cái tội đã làm, nghĩ rằng ta chẳng nên gây tội đó nữa, vì thế **ĀTMĀBHĀBA** mới xuất gia.

Đức Vua nghe nói, phát tâm hoan hỷ và sốt sắng cúng dường nhiều y, bát và thuốc men.

Chư độc-giác liền từ giả Đức Vua trở về núi
NANDAMŪLAKA.

Bắt đầu từ đó, Đức vua phát tâm chán nản
không vui lòng trong đế vị; ngày nọ vào ngự trong
cung cấm, ngài tham-thiền quán-tưởng, đặc định
rồi khiển trách nhục-dục rằng :

Dhiratthusu bahukāme

Duggandhe bahukantake

Yo caṇṇaṇ petisevanto

Nālabhiṇ taḍisaṇ sukhaṇ

Nghĩa : Đáng sợ thay, khi ta còn thọ dụng
các nhục dục có mùi xấu xa, có nhiều nghịch pháp,
như thứ gai nhọn, vô dụng rồi, cũng không được
hưởng điều hạnh phúc chi, như thế.

Treng hồi đó, Đức Hoàng hậu vừa ngự vào,
được nghe như vậy bèn tâu rằng :

Mahassadā sukha kāmā

Natthi kāmā paraṇ sukhaṇ

Ye kāmā patisevanti

Saggante upapajjare

Nghĩa : Các nhục-dục, có lắm điều iạc thú và nhiều hạnh phúc, ngoài nhục dục không có thú vui, người thọ dụng nhục-dục, sẽ lên cõi trời Đức vua vội đáp : Hãy tiêu diệt đi, người phụ nữ xấu xa. Người nói cái chi? Các thú vui trong nhục-dục có trong nơi nào được, vì sự sung sướng ấy sẽ biến thành khổ não, rồi Ngài đọc kệ ngôn chê trách nhục-dục, tiếp theo như vậy :

Appassāda dukkhā kāmā
Natthi kāmā paraṇ dukkhāṇ
Ye kāmē patisevanti
Nirayante upapajjare

Nghĩa : Các nhục dục ít có sự khoái lạc có nhiều điều vất-vả ; sự khổ ngoài nhục-dục không có, kẻ nào thọ dụng nhục-dục, kẻ đó sẽ sa địa ngục.

Asi yathā sunisito
Nettīṇ sova supayiko
Sattiva urasi khitta
Kāmā dukkhatara tato

Nghĩa : Ví như dao, không trặc ần, tức là cây kiếm hoặc lao mà họ mài cho bén, trét bằng chất độc rồi chạm hoặc đâm vào ngực, Các nhục-dục cũng đem rất nhiều hơn sự khổ đó nữa.

Āngarānaṇva jalitaṇ
Kāsuṇ sādhipaporisaṇ
Phalaṇva divasantattaṇ
Kāma dukkhatarā tato

Nghĩa : Các thống khổ phát sanh đó, như hầm than đỏ cháy hoả hào, rất sâu hơn khuôn khổ người nam, hoặc miếng sắt mà người dốt cho nóng trọn ngày, các nhục-dục hằng đem sự khổ đến càng nhiều hơn đó nữa.

Visaṇ yathā halaḥalaṇ
Telaṇ pakkutthitaṇ yathā
Tambalohaṇ vilinaṇva
Kāma dukkhatarā tato

Nghĩa : Ví như (sự khổ phát sanh do) nọc độc dữ dội hoặc như dầu sôi hay nước đồng sôi, các nhục.dục đem đến nhiều khổ não hơn các vật đó nữa.

Khi đức vua đã phán như thế rồi, Ngài bèn cho hội chúng quần thần truyền ngôi cho Hoàng tử rồi xuất gia ; sau khi ngũ uẩn tan rã, Ngài thọ sanh trong cõi Phạm.thiên.

— DỨT —



TÍCH BRAHMACARYA

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO

SAMMASAMBUDDHASSA (3 lần)

Kinte vataṇ kiṇ pana brahmacariyaṇ

Kissa sucinnassa ayaṇ vipāko

Akkhāhi me brāhmaṇa etamatthaṇ

Kasmaṇ nu tumhaṇ daharaṇ na miyyare

mahadhammapāla jāta

Trong thời quá khứ, Hoàng đế BRAHMADATTA thống trị đế đô BĀRĀNASĪ. Trong quận DHAMMAPĀLA GĀMA, tỉnh KĀSI, có một vị Bàlamôn DHAMMAPĀLA thân sinh của đức Bồ-tát DHAMMAPĀLAKUMĀRA. Khi lớn lên đức bồ-tát đi học nghề với một giáo-sư trú danh (DISĀPAMOKKHO) trong kinh đô TAKKASILĀ. Ngài là một học sinh cao đẳng học giỏi nhất trong 500 sĩ tử. Trong thời

đó, con trưởng nam của vị giáo sư từ trần, ai cũng đều thương tiếc khóc than. Khi làm lễ hỏa tán thì bài mọi người đều thương tâm khóc kể, trừ ra đức Bồ-tát không ưu sầu chi cả. Đức Bồ-tát bèn hỏi các bạn học sinh rằng : Các anh nói rằng, còn trẻ mà tại sao lại chết, chết trẻ như vậy không nên, phải chăng ?

— Bạn DAHMMAPĀLA này ! bạn không biết sự chết chăng ?

— Biết, nhưng không có ai chết trẻ, già mới chết.

— Tất cả tập-hợp toàn là không thường, có rồi không, không rồi có, phải chăng ?

— Phải rồi, các bạn ! Các tập hợp là vô thường thật, song cũng có chúng sanh không thác thối thiếu niên, già rồi mới chết, dầu là ở trong quyền lực của luật vô thường.

— Trong gia-đình bạn, không có người nào chết chăng ?

— Có, bạn à, song không chết trẻ, đến già mới chết.

— Điều này là phong tục trong gia đình của bạn chẳng ?

— Ờ, là thói quen trong gia đình của tôi.

Các học sinh, đồng nhau, đến tỏ bày cho vị giáo-sư hay, vị giáo-sư bèn hỏi đức Bồ-tát: rồi tính: Ta nên đi thăm-vấn thân sinh của DHAMMAPĀLAKUMĀRA, nếu thật như thế, ta sẽ tu hành theo. Sau khi hỏa táng thi hài của con rồi, gọi các trò lại cho đức Bồ-tát, vị trú danh giáo-sư gói xương dê, cho người đem theo đến nhà DHAMMAPĀLAKUMĀRA, được gặp thân sinh của đức Bồ-tát. Sau khi đã chào hỏi nhau, vị giáo-sư tùy dịp tỏ rằng: DHAMMAPĀLAKUMĀRA học hành tấn hóa, nhưng mới từ trần, xin ông đừng thương tiếc, vì các tập-hợp đều là vô thường. Ông Bà-la-Môn nghe qua bèn vỗ tay cười.

— Tại sao ông cười ?

— Con tôi không chết, đó là kẻ khác chết. Khi vị giáo sư mở gói xương cho xem, thân sinh đức

Bồ-tát vẫn quyết định rằng : Không phải xương của con tôi đâu, đó là hài cốt của thú, hay của kẻ nào, quyết hẳn, con tôi không chết, vì gia-đình của tôi đã bảy đời rồi, chẳng có một người nào chết non cả.

Trong hồi đó, người trong nhà đều vô tay cười rộ. Vị giáo-sư thấy sự phi-thường như thế liền hoan-hỉ hỏi rằng :

Kinte vattan̄ kiṇ pana brahmacariyaṇ

Kissa sucinnassa ayaṇ vipāko

Akkhāhi me brah̄mana etamatthan̄

Tasmā nu tumhaṇ daharā nā miyyare

Nghĩa : Thế nào là sự hoạt động hằng ngày của ông, cái chi là phép trình bạch của ông, sự không chết trẻ đây, là quả phước của các nhân lành mà ông đã thực hành chân chánh rồi, ông Bà-la-môn ! Xin ông chỉ nguyên nhân đó đến tôi

vời, tại sao mà thân quyến ông mới không có người chết trẻ ?

Ông Bà-la-môn tường thuật cho vị giáo-sư rõ, về nguyên nhân của sự không chết trẻ, trong gia-đình ông rằng :

Dhammaṇ caṛama na musā bhaṇāma

Pāpāni kammaṇi parivajjayāma

Anariyaṇ parivajjema sabbaṇ

Tasmā hi amhaṇ daharā na miyyare

Nghĩa : Chúng tôi tu hành : không nói dối, tránh làm nghiệp ác, và chừa cái những nghiệp không quý cao ; vì thế, người thanh niên của chúng tôi mới không chết.

Sunoma dhammaṇ asataṇ sataṇca

Na cāpi dhammaṇ asataṇ rocayāma

Hitvā asante na jahāma sante

Tasmā hi amhaṇ daharā na miyyare

Nghĩa : Chúng tôi được nghe bậc tịnh giả và vô tịnh giả, rồi ; không vừa lòng cái pháp của kẻ vô tịnh giả, không nhìn nhận hạng người vô thiện trí thức ; không bỏ bậc tịnh giả. Vì vậy, thanh niên trong gia-đình chúng tôi mới không chết.

Pubbe va dānā sumanā bhavāma

Dadanpi ve attamanā bhavāma

Dātvapi ve nānutappāma paccha

Tasmā hi amhaṇ daharā na miyyare

Nghĩa : Chúng tôi trước khi bố thí cũng chú tâm chân-chánh, đang cho cũng hoan-hỉ, sau khi thí rồi cũng không phiền-não. Vì thế, các trẻ tuổi của chúng tôi mới không chết.

Samane mayaṇ brāhmaṇe addhike ca

Vanibbake yācanake dalidde

Annena pānena abhitappayāma

Tasmā hi amhaṇ daharā na miyyare

Nghĩa : Chúng tôi đã trông nom săn sóc các bậc Samôn, Bàlamôn, bộ-hành, người nghèo, kẻ xin, bằng thức ăn, nước uống, vì vậy nhóm thiếu niên của chúng tôi mới không chết.

Mayānca bhariyaṇ natikkamāma
Amhe ca bhāriyā natikkamānti
~ ~
Annatra tāhibrahmacariyaṇ carāma
Tasma hi amhaṇ dahara na miyyare

Nghĩa : Chúng tôi không lỏ lòng vợ, vợ chúng tôi cũng không ngoại tình, chúng tôi hành đạo phạm hạnh, không quá yêu phụ nữ khác. Vì thế, những trai trẻ của chúng tôi mới không chết.

Pānatipata viramāma sabbe
Loke adinnaṇ parivajjayāma
Amajjapanēpi musa bhanāma
Tasma hi amhaṇ dahara na miyyare

Nghĩa : Tất cả chúng tôi đều chừa cải sự : sát sanh, trộm cắp trong đời ; không uống chất say cũng không nói dối. Vì vậy hạng thanh niên của chúng tôi mới không chết.

Etāsu ve jāyare suttamasu

Medhāvino honti bahuttapañña

Bahussuta vedagunā ca honti

Tasma hi amhaṇ daharā na miyyare

Nghĩa : Con sinh ra từ hạng vợ tốt như thế, tự nhiên sáng trí, có nhiều trí-tuệ, là người bác học, có học thức tấn hoá. Vì thế, các trẻ của chúng tôi mới không chết.

Mātā pitā bhagini bhatāro ca

Puttā ca dārā ca mayāṇca sabbe

Dhammaṇ carāma paralokahetu

Tasma hi amhaṇ daharā na miyyare

Nghĩa : Mẹ, cha, chị em, anh em, con, vợ tất cả chúng tôi mỗi người đồng thực hành pháp, mong được lợi ích vị lai (không phải chỉ mong hạnh phúc hiện tại) Vì vậy, những trẻ tuổi của chúng tôi mới không chết.

Dāsā ca dāsī anūjivino ca

Paricārikā kammakarā ca sabbe

Dhammaṇ caranti paralokahetu

Tasma hi amhaṇ daharā na miyyare

Nghĩa : Tôi trai, tôi gái, những kẻ lệ thuộc, tất cả người đó, toàn là hạng tu hành mong tìm điều lợi ích vị lai. Vì vậy người thanh niên của chúng tôi mới không chết.

Trong nơi cuối cùng, ông Balamôn giải về đức tính của người hành pháp như vậy :

Dhammo have rakkhati dhammacāriṇ

Dhammo sūcinno sukhamāvahātī

Esānisaṅso dhamme sūcinne

Na duggatiṅ gacchati dhammacārī

Nghĩa : Pháp, tự nhiên, hộ người hành pháp, hẳn thật, pháp mà người hành được chơn chánh rồi, tự nhiên đem các hạnh phúc đến cho : đây là sự kết quả trong pháp đã thực tiễn đứng đắn rồi nghĩa là người thi hành Pháp tự nhiên, không sa trong cảnh khổ.

Dhammo have rakkhati dhammacārīṅ

Chattaṅ mahantaṅ viya vassakāle

Dhammena gutto mama dhammapālo

Annassa atthīni sukhi kumāro

Nghĩa : Pháp, tự nhiên, hộ trì người hành pháp, hẳn thật, như cây dù to, được phòng ngừa khi có mưa, DHAMMAPĀLA con chúng tôi cả có Pháp hộ trì rồi ; hài cốt mà ông đem đến đây là xương của sinh vật khác, phần KUMĀRA vẫn còn ở yên mát mẽ.

Vị trú danh giáo-sư, khi đã nghe những lời như thế liền phát tâm hoan hỷ, rằng : tôi đến đây gọi là đến chân chánh, rất có hạnh phúc. Rồi bày tỏ sự thật cho ông Bà-la-môn nghe và ghi chép các pháp vào sổ tập ký ; tạm trú lại đó thêm 2, 3 ngày nữa mới trở về thành TAKKASILĀ, hết lòng dạy bảo Đức Bồ Tát cho được mãn ý, rồi khiến bộ hạ đưa đức Bồ-tát hồi qui với sự đầy đủ thanh-danh.

— DỨT —

BẢN CẢI - CHÁNH

TRANG	HÀNG	S A I	ĐÚNG
Lời nói đầu	1	chủ	chư
5	1	tra	trai
2	12	gợi	giới
2	13	huyết	thuyết
4	4	vtêc	việc
5	8	paccha	pacchā
5	18	anāri yo	anāriyo
12	13	ātma	ātmā
12	15	ātmābhabā	ātmābhāba
12	17	paradārañca	paradārañca
13	13	tesahaṇ	tesahaṇ
14	17	châu	chuẩn
15	12	chắc	chất
16	9	petisevanto	patisevanto
18	4	hơn sự khổ	sự khổ hơn
21	8	Dahmmāpala	Dhammapāla
24	1	ngườ	người
25	2	gả	giả
30	2	kh	khi
30	8	lên	liền

IN TẠI NHÀ IN
HIỆP-HƯNG
339, Nguyễn - công - Trù
SAIGON

Giấy phép số 1290 / XB
19-8-1957